

Bản án số: 234/2023/HS-PT
Ngày: 27-6-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long**
Ông **Phạm Văn Hợp.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Phương Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Nam Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 27-6-2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng với điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 212/2023/TLPT-HS ngày 08-5-2023 đối với bị cáo Đặng Thế H và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2023/HS-ST ngày 28-3-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Đặng Thế H (tên gọi khác: X), sinh năm 1976 tại Bình Định; nơi đăng ký HKTT: Số I C, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai; chỗ ở: Số C H, tổ A, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 10/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Đặng Vĩnh D và bà Nguyễn Thị C (đều đã chết); vợ là Lê Thị Kim N, sinh năm 1980 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09-5-2021; đến ngày 28-01-2022, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, vắng mặt.

2. Lương Ngọc T (tên gọi khác: Tuấn cụt), sinh ngày 03-3-1981, tại Gia Lai; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số B P, tổ B, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 11/12; nghề nghiệp: Thợ hồ; con ông Lương Văn T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Mộng T2, sinh năm 1958; vợ là Sâu Thị Kim O, sinh năm 1985 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09-5-2021; đến ngày 28-01-2022, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại điểm cầu thành phần.

3. Nguyễn Duy C1 (tên gọi khác: D1), sinh ngày 25-6-1977 tại Gia Lai; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số B P, tổ C, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 6/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông Nguyễn Hoài N1 (không rõ năm sinh) và bà Võ Thị T3, sinh năm 1956; vợ là Nguyễn Kim L, sinh năm 1984 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07-8-2021; đến ngày 28-01-2022, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại điểm cầu thành phần.

4. Đặng Thái C2, sinh ngày 20-10-1969 tại Bình Định; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 11/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Đặng Vĩnh D và bà Nguyễn Thị C (đều đã chết); vợ là Nguyễn Thị H1, sinh năm 1979 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09-5-2021; đến ngày 12-11-2021, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại điểm cầu thành phần.

5. Nguyễn H2 (tên gọi khác: C3), sinh ngày 10-10-1978 tại Quảng Ngãi; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Làng B, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông Nguyễn T4, sinh năm 1952 và bà Trương Thị Đ, sinh năm 1954; vợ là Hồ Kim H3, sinh năm 1981 (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09-5-2021; đến ngày 28-01-2022, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại điểm cầu thành phần.

6. Lê Quý H4 (Lê Quý H5), sinh ngày 09-6-1975 tại tỉnh Gia Lai; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số A T, tổ dân phố C, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 8/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Lê Quý A (đã chết) và bà Trương Thị H6, sinh năm 1946; vợ là Võ Thị Mỹ T5, sinh năm 1979 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 05-7-2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh G, có mặt tại điểm cầu thành phần.

7. Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1972 tại Gia Lai; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ F, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 5/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn R (Nguyễn Uyên R1) (đã chết) và bà Nguyễn Thị T6 (Nguyễn Thị T7), sinh năm 1933; vợ là Trần Thị T8, sinh năm 1977 (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09-5-2021; đến ngày 06-10-2021, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại điểm cầu thành phần.

8. Nguyễn Quý C4 (tên gọi khác: M), sinh ngày 11-9-1987 tại Quảng Bình; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố C, phường B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Quý Đ1 (Nguyễn Quý Đ2), sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị H7, sinh năm 1959; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 13/2009/HSPT ngày 12-10-2009, Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 15 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm.

- Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 71/2014/HSPT ngày 14-3-2014, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09-5-2021; đến ngày 08-7-2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, vắng mặt.

9. Lê Thị Thu T9 (tên gọi khác: B), sinh ngày 06-02-1972 tại Gia Lai; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số A T, tổ A, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hoá: 10/12; nghề nghiệp: Thợ may; con ông Lê Hồng A1, sinh năm 1934 và bà Bùi Thị Q, sinh năm 1943; chồng là Trần Đình L1, sinh năm 1969 (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 44/2015/HSST ngày 11-6-2015, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 26 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 52 tháng.

Bị cáo bị bắt ngày 09-5-2021; đến ngày 08-7-2021, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, vắng mặt.

(Vụ án còn có 07 bị cáo khác, nhưng không kháng cáo, không bị kháng nghị; có 11 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng không liên quan đến kháng cáo, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giữa tháng 4-2021, Đặng Thế H thuê lại mặt bằng tại quán B1, tại Hẻm B L, tổ A, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai (do vợ chồng Lê Quý H4 và Võ Thị Mỹ T5 thuê kinh doanh ăn uống) để làm địa điểm tổ chức đánh bạc bằng hình thức “Xóc đĩa” được thua bằng tiền, với giá 3.000.000 đồng/01 lần. Sau đó, Đặng Thế H chuẩn bị bát, thảm, bài vị, quân vị, bóng đèn, bộ bài tây 52 lá, dụng cụ cắt quân vị, đĩa, bát bằng sứ để phục vụ cho việc tổ chức đánh bạc. Để thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc, H thuê và trả tiền công 300.000 đồng/ngày cho Đào Vũ Anh K, L2 (chưa xác định được nhân thân) để làm nhiệm vụ xóc cái; Nguyễn Duy C1 làm nhiệm vụ hò lì; Lương Ngọc T, Lê Công N2 và Đặng Thái C2 làm nhiệm vụ canh giới; Nguyễn H2

làm nhiệm vụ chở các con bạc đến xới bạc. Mỗi lần tổ chức, xới bạc thường hoạt động từ khoảng 14 giờ đến 17 giờ hằng ngày.

Hình thức đánh bạc như sau: Dụng cụ đánh bạc gồm 01 bát, 01 đĩa, 04 quân vị được cắt ra từ bộ bài tây. Xới bạc được chia làm 02 bên (chẵn và lẻ). Khi đối tượng xóc cái vừa xóc xong, thì các con bạc tiến hành đặt cược tiền, nếu cược bên lẻ thì đặt bên lẻ, nếu cược bên chẵn thì đặt bên chẵn, số tiền đặt cược từ 100.000 đồng đến 200.000.000 đồng. Khi có 03 con bài vị màu đen ngửa lên, thì người chơi phải bỏ ra 05% tổng số tiền trên phần lẻ của ván đó để nộp tiền xâucho xới bạc. Trung bình mỗi ngày Đặng Thế H thu lợi từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng.

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 09-5-2021, khi xới bạc đang hoạt động, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ CÔNG AN phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P bắt quả tang và tạm giữ 14 đối tượng; trong đó, 06 đối tượng có hành vi tổ chức đánh bạc gồm: Đặng Thế H, Đào Vũ Anh K, Nguyễn H2, Đặng Thái C2, Lương Ngọc T và Lê Công N2; 08 đối tượng có hành vi đánh bạc gồm: Lê Văn T10, Nguyễn Ngọc S, Ngô Thị N3, Bùi Xuân T11, Hoàng Thị Xuân H8, Hoàng Thị Thanh V, Nguyễn Quý C4 và Lê Thị Thu T9. Tiền mặt thu trên sỏi bạc là 137.300.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2023/HS-ST ngày 28-3-2023, Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai:

1. Áp dụng các điểm a, c khoản 1, khoản 3 Điều 322; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Đặng Thế H 02 (**hai**) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 09-5-2021 đến ngày 28-01-2022).

- Phạt bổ sung: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

2. Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Lương Ngọc T 01 (**một**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 09-5-2021 đến ngày 28-01-2022).

3. Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Duy C1 01 (**một**) năm 04 (**bốn**) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 07-8-2021 đến ngày 28-01-2022).

4. Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 322; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Đặng Thái C2 01 (**một**) năm 03 (**ba**) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 09-5-2021 đến ngày 12-11-2021).

5. Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Nguyễn H2 01 (**một**) năm 03 (**ba**) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 09-5-2021 đến ngày 28-01-2022).

6. Áp dụng các điểm b, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Lê Quý H4 (**Lê Quý H5**) 02 (**hai**) năm tù về tội “Gá bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05-7-2021.

7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Ngọc S 02 (**hai**) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 09-5-2021 đến ngày 06-10-2021).

8. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Quý C4 01 (**một**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 09-5-2021 đến ngày 08-7-2021).

9. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Lê Thị Thu T9 02 (**hai**) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 09-5-2021 đến ngày 07-7-2021).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với 07 bị cáo khác; quyết định tịch thu sung ngân sách Nhà nước tiền do phạm tội mà có; quyết định truy thu tiền thu lợi bất chính, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 03-4-2023, bị cáo Lê Quý H4 kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 06-4-2023, các bị cáo Đặng Thế H, Đặng Thái C2, Lê Thị Thu T9 và Nguyễn Quý C4 kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 07-4-2023, các bị cáo Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Duy C1 kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 10-4-2023, các bị cáo Nguyễn H2 và Lương Ngọc T kháng cáo xin giảm hình phạt.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Từ ngày 03-4-2023 đến ngày 10-4-2023, các bị cáo (09 bị cáo), gồm: Đặng Thế H, Đặng Thái C2, Nguyễn H2, Nguyễn Duy C1, Lương Ngọc T, Lê Quý H4, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Quý C4 và Lê Thị Thu T9 kháng cáo bản án. Đơn kháng cáo của các bị cáo là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Đặng Thế H và Nguyễn Quý C4 vắng mặt không có lý do, Lê Thị Thu T9 xin hoãn phiên tòa, với lý do đang điều trị tại Bệnh viện. Xét thấy, việc vắng mặt của các bị cáo không trở ngại cho việc xét xử, do đó căn cứ khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định xét xử vắng mặt các bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Quý H5 rút kháng cáo, bị cáo Lê Thị Thu T9 vắng mặt nhưng trước đó có đơn thay đổi nội dung kháng cáo, xin được hưởng án treo; các bị cáo còn lại giữ nguyên kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 348, các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Lê Quý H4.
- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Thế H, Lương Ngọc T, Nguyễn Duy C1, Đặng Thái C2, Nguyễn H2, Nguyễn Ngọc S và Nguyễn Quý C4.
- Chấp nhận nội dung thay đổi kháng cáo của bị cáo Lê Thị Thu T9.
- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2023/HS-ST ngày 28-3-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Thị Thu T9 theo hướng: Giữ nguyên hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo không tranh luận; nói lời sau cùng các bị cáo đều thể hiện thái độ ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2.1]. Về tội danh:

[2.1.1]. Về hành vi tổ chức đánh bạc:

Từ khoảng tháng 4-2021 đến ngày 09-5-2021, Đặng Thế H đã sử dụng quán Bò Cạp Nước (do vợ chồng Lê Quý H4 và Võ Thị Mỹ T5 thuê để kinh doanh ăn uống) làm địa điểm tổ chức đánh bạc bằng hình thức “Xóc đĩa”, được thua bằng tiền để thu lợi. Đặng Thế H thuê Đào Vũ Anh K, Đặng Thái C2, Lê Công N2, Lương Ngọc T, Nguyễn H2, Nguyễn Duy C1 làm “Hò lý, cảnh giới, xóc đĩa” tại sới bạc; chở các con bạc đến xới bạc và H tổ chức được 11 lần đánh bạc, thu lợi bất chính 19.100.000 đồng. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 09-5-2021, khi H cùng đồng phạm đang tổ chức cho hơn mười con bạc đánh “Xóc đĩa”, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ CÔNG AN phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P bắt quả tang, thu giữ tại “Xới bạc” số tiền 137.300.000 đồng.

Với hành vi phạm tội như nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai kết án các bị cáo Đặng Thế H, Đào Vũ Anh K, Nguyễn H2, Lương Ngọc T, Lê Công N2, Đặng Thái C2 và Nguyễn Duy C1 về tội “Tổ chức đánh bạc”, với tình tiết định khung “Tổ chức cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật

dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên” và “Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên” theo các điểm a, c khoản 2 Điều 322 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2.1.2]. Về hành vi gá bạc:

Lê Quý H4 và vợ là Võ Thị Mỹ T5 thuê quán Bò Cạp nước để kinh doanh dịch vụ ăn uống và cũng là người trực tiếp quản lý, sử dụng quán này. H4 đã cho Đặng Thế H thuê lại để làm nơi tổ chức đánh bạc nhằm thu lợi bất chính, H đã trả cho H4 tổng số tiền thuê là 10.000.000 đồng. Quá trình điều tra không chứng minh được Võ Thị Mỹ T5 đồng phạm với H4 hay với H.

Với hành vi phạm tội như nêu trên, Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai kết án bị cáo Lê Quý H4 về tội “Gá bạc”, với tình tiết định khung “Sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu hoặc quản lý của mình để cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên” và “Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên” theo các điểm b, c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật.

[2.1.3]. Về hành vi đánh bạc:

Tại thời điểm “Xới bạc” bị bắt quả tang, thì Lê Văn T10, Nguyễn Ngọc S, Ngô Thị N3, Bùi Xuân T11, Hoàng Thị Xuân H8, Hoàng Thị Thanh V, Nguyễn Quý C4 và Lê Thị Thu T9 tham gia đánh bạc và đã đặt cược từ 01 đến 04 ván với số tiền đặt cược của mỗi ván từ 100.000 đồng đến 1.000.000 đồng. Tổng số tiền thu giữ trên xới bạc là 137.300.000 đồng.

Với hành vi phạm tội như nêu trên, Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai kết án các bị cáo Lê Văn T10, Nguyễn Ngọc S, Ngô Thị N3, Bùi Xuân T11, Hoàng Thị Xuân H8, Hoàng Thị Thanh V, Nguyễn Quý C4 và Lê Thị Thu T9 về tội “Đánh bạc”, với tình tiết định khung “Tiền hoặc hiện vật dùng để đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt (Đối với các bị cáo kháng cáo):

Các bị cáo đều có đủ khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của mình; biết rõ hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc bằng hình thức “Xóc đĩa” được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, nhưng vì ham chơi, háms lợi các bị cáo đã nhiều lần tổ chức đánh bạc và đánh bạc trái phép. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, ảnh hưởng đến trật tự, trị an tại địa phương. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo một hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo. Đây là vụ án có nhiều bị cáo tham gia, các bị cáo phạm tội với tính chất, mức độ khác nhau, nên cần xem xét, đánh giá vai trò tham gia để cụ thể hóa mức hình phạt cho phù hợp đối với từng bị cáo.

[2.2.1]. Đối với các bị cáo phạm tội “Tổ chức đánh bạc”:

Đặng Thế H là người khởi xướng, thuê địa điểm, mua dụng cụ chuẩn bị đánh bạc và thuê các bị cáo khác cùng tham gia tổ chức đánh bạc và thu lợi bất chính 19.100.000 đồng, nên bị cáo có vai trò cao nhất trong vụ án; các bị cáo Đặng Thái C2, Nguyễn H2, Nguyễn Duy C1 và Lương Ngọc T được Đặng Thế H thuê để làm

nhiệm vụ “Xóc đĩa, cảnh giới, hồ lý”, chở các con bạc đến “Xới bạc” để được hưởng tiền lợi bất chính, nên các bị cáo đều giữ vai trò là người giúp sức tích cực cho Đặng Thế H. Tuy nhiên, sau khi phạm tội, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyễn H2 có cha, mẹ là người có công với cách mạng; Nguyễn Duy C1 sau khi phạm tội đã ra đầu thú; do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt các bị cáo từ 01 năm 03 tháng tù đến 02 năm tù là thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Các bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều không cung cấp được tài liệu để chứng minh có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[2.2.2]. Đối với bị cáo phạm tội “Gá bạc”:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận Lê Quý H4 phạm tội “Gá bạc” được quy định tại các điểm b, c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo kháng cáo, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo rút kháng cáo. Xét thấy, việc rút kháng cáo của bị cáo là tự nguyện, nên căn cứ cứ khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo.

[2.2.3]. Đối với các bị cáo phạm tội “Đánh bạc”:

- Đối với Nguyễn Ngọc S và Nguyễn Quý C4:

Các bị cáo tham gia đánh bạc và đã đặt cược từ 01 đến 04 ván, với số tiền đặt cược của mỗi ván từ 100.000 đồng đến 1.000.000 đồng. Trong khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị bắt quả tang, tổng số tiền thu giữ tại xới bạc là 137.300.000 đồng. Với hành vi phạm tội này, cần phải xử phạt các bị cáo hình phạt nghiêm khắc. Tuy nhiên, do các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trước khi phạm tội Nguyễn Quý C4 được UBND phường B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk tặng Giấy khen vì đã có thành tích trong việc tố giác tội phạm ma túy năm 2019; các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không cung cấp được tài liệu để chứng minh có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

- Đối với Lê Thị Thu T9:

Bị cáo tham gia đánh bạc và đã đặt cược từ 01 đến 04 ván, với số tiền đặt cược của mỗi ván từ 100.000 đồng đến 1.000.000 đồng, nhưng sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính, hiện đã ly hôn chồng và đang nuôi hai con nhỏ; mặc dù, trước đó bị cáo từng bị kết án về tội “Đánh bạc”, nhưng theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07-9-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì bị cáo thuộc trường hợp “Người bị kết án đã được xóa án tích”. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên đủ điều kiện để được áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, để thể hiện chính sách nhân đạo của

pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung thay đổi kháng cáo của bị cáo.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4]. Về án phí:

- Các bị cáo không được chấp nhận kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật; bị cáo được chấp nhận kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Thế H, Đặng Thái C2, Nguyễn H2, Nguyễn Duy C1, Lương Ngọc T, Nguyễn Ngọc S và Nguyễn Quý C4.

- Chấp nhận nội dung thay đổi kháng cáo của bị cáo Lê Thị Thu T9.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2023/HS-ST ngày 28-3-2023 của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai về phần Trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Thị Thu T9.

2. Về trách nhiệm hình sự:

2.1. Áp dụng các điểm a, c khoản 1, khoản 3 Điều 322; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Đặng Thế H 02 (**hai**) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 09-5-2021 đến ngày 28-01-2022).

- Phạt bổ sung: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

2.2. Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Lương Ngọc T 01 (**một**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 09-5-2021 đến ngày 28-01-2022).

2.3. Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Duy C1 01 (**một**) năm 04 (**bốn**) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 07-8-2021 đến ngày 28-01-2022).

2.4. Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 322; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Đặng Thái C2 01 (**một**) năm 03 (**ba**) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 09-5-2021 đến ngày 12-11-2021).

2.5. Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Nguyễn H2 01 (**một**) năm 03 (**ba**) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 09-5-2021 đến ngày 28-01-2022).

2.6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Ngọc S 02 (**hai**) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 09-5-2021 đến ngày 06-10-2021).

2.7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm s, t khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Quý C4 01 (**một**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 09-5-2021 đến ngày 08-7-2021).

2.8. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Lê Thị Thu T9 02 (**hai**) năm tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 04 (**bốn**) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao Lê Thị Thu T9 cho UBND phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ cứ khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Lê Quý H4.

- Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2023/HS-ST ngày 28-3-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về phần Trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Quý H4 có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 27-6-2023.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng nghị.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm b, g, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đặng Thế H, Đặng Thái C2, Nguyễn H2, Nguyễn Duy C1, Lương Ngọc T, Nguyễn Ngọc S và Nguyễn Quý C4, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

- Lê Quý H4 và Lê Thị Thu T9 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai
(02 bản, để giao cho Lê Quý Hùng 01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Gia Lai;
- Các bị cáo tại ngoại (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường